



留 学 生

liúxuéshēng · lưu học sinh · du học sinh

liú

丶 勹 勹 勹 勹 留 留 留 留

留 留 留 留

xué

丶 丶 丶 丶 丶 学 学 学

学 学 学 学

shēng

丿 乚 乚 牛 生

生 生 生 生